TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2022/DS-ST
Ngày: 20/ 4/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tấn Nghị và ông Lê Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện VKSND huyện Tây Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2022 tại trụ sở TAND huyện Tây Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 18/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐ- HPT ngày 06/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Phi S, sinh năm 1989; Có mặt.

Địa chỉ: Khu p, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bùi Trọng T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: 247 N, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Ngô Văn T, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Đều vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ngô Văn Tr, sinh năm 1988; Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

+ Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1961; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị S trình bày:

Chị S và vợ chồng ông T, bà Ng là bà con với nhau, chị S gọi vợ chồng ông T, bà Ng là dì dượng. Vào ngày 07/9/2020, vợ chồng ông T, bà Ng có mượn chị S số tiền 140.000.000 đồng để buôn bò. Chị S đồng ý cho mượn, chị S nhờ mẹ là bà Huỳnh Thị Ph viết giúp giấy mượn tiền. Khi bà Ph viết giấy có mặt cả chị S và vợ chồng ông T, bà Ng. Su khi bà Ph viết giấy xong thì vợ chồng ông T, bà Ng nhận tiền, ký xác nhận vào giấy mượn tiền và hẹn 01 tháng sau sẽ trả, không thỏa thuận lãi suất, nhưng đến nay mặc dù chị S đòi nhiều lần mà vợ chồng ông T, bà Ng vẫn không chịu trả. Do đó, nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà Ng phải trả đủ dứt điểm cho chị S số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Ng có lời khai: Vợ chồng bà Ng, ông T có mượn chị S số tiền 140.000.000 đồng nhưng đã trả 30.000.000 đồng do đó chỉ còn nợ chị S số tiền 110.000.000 đồng, nay xin trả dần số tiền này. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Ng vắng mặt không có lý do, do đó không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày: Vợ chồng ông T, bà Ng thừa nhận vào ngày 07/9/2020 có mượn chị S số tiền 140.000.000 đồng để buôn bò. Khi mượn hai bên có viết giấy mượn và vợ chồng ông T, bà Ng ký xác nhận như chị S trình bày là đúng. Su khi mượn đến năm 2021 (không nhớ tháng) vợ chồng ông T, bà Ng có đưa 30.000.000đ nhờ con trai là Ngô Văn Trung đưa cho bà Ph để nhờ trả dần cho chị S. Do đó, chỉ còn nợ chị S số tiền 110.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông T, bà Ng chấp nhận trả số tiền 110.000.000đ cho chị S nhưng vì điều kiện khó khăn nên vợ chồng ông T, bà Ng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị Ph trình bày: Năm 2020, vợ chồng ông T, bà Ng có gọi điện hỏi mượn bà Ph số tiền 140.000.000 đồng để buôn bò. Bà không có tiền nên nói con gái là chị S cho vợ chồng ông T, bà Ng mượn. Chị S đồng ý cho mượn. Hai mẹ con bà Ph lên nhà của vợ chồng ông T, bà Ng, mang 140.000.000 đồng cho mượn và hai bên có viết giấy mượn tiền tại nhà ông T, bà Ng (bà Ph là người trực tiếp viết giúp giấy mượn tiền và vợ chồng ông T, bà Ng ký vào giấy mượn tiền ngày 07/9/2020), hẹn 01 tháng Su sẽ trả. Nhưng đến nay, bà Ph và chị S đã đòi nhiều lần mà vợ chồng ông T, bà Ng không trả. Việc ông T khai đã đưa bà Ph 30.000.000 đồng để trả dần cho

chị S số nợ trên là hoàn toàn không đúng, vợ chồng ông T, bà Ng không đưa trả bà Ph cũng như bà S khoản tiền nào. Do đó, mong Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn Tr trình bày: Năm 2021, bố mẹ anh là ông T, bà Ng có đưa anh hai lần với số tiền lần một là 18.000.000 đồng, lần hai là 12.000.000 đồng, nhờ anh đưa cho bà Ph để trả cho chị S. Anh Trung có liên hệ bà Ph và đưa tổng số tiền 30.000.000 đồng. Anh Trung giao tiền cho bà Ph hai lần đều ở ngoài đường. Khi anh Trung đưa cho bà Ph 30.000.000 đồng cả hai lần đều không có ghi giấy tờ gì. Cũng không có ai làm chứng. Anh Trung khẳng định đã đưa tận tay bà Ph 30.000.000 đồng là thật. Mong Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

** Đại diện VKSND huyện Tây Hòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Phi S, buộc bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng phải trả cho nguyên đơn chị S số tiền 140.000.000đ. Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không xét. Bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn chị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị S khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng trả số tiền 140.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất; căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, HĐXX xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng có nơi cư trú hiện nay tại: Thôn V, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

[1.2] Bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trung đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, xử vắng mặt bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trung theo quy định tại Điều 227 và 228 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa nguyên đơn chị S và bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng đều thống nhất là ngày 07/9/2020, bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng có mượn nguyên đơn chị S số tiền 140.000.000 đồng để buôn bò. Nguyên đơn chị S cũng đưa ra được giấy mượn tiền do chính bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng trực tiếp ký vào ngày 07/9/2020, khi mượn hai bên thỏa thuận hẹn 01 tháng Su sẽ thanh toán và không thỏa thuận lãi suất. Như vậy giao dịch đang được thực hiện này của hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 463 Bộ luật dân sự. Khi đến hạn thanh toán, bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng không trả số tiền trên cho nguyên đơn chị S và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét ý kiến của bị đơn về việc cho rằng đã trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Bị đơn vợ chồng ông T,bà Ng cho rằng đã đưa cho con trai là anh Trung 30.000.000 đồng cho bà Ph nhờ trả cho chị S, tuy nhiên ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh rằng anh Trung đã trả số tiền này cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án anh Trung khai năm 2021, cha mẹ anh là ông T, bà Ng có đưa 30.000.000 đồng nhờ anh đưa cho bà Ph để trả dần nợ cho chị S, nhưng anh Tr không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh việc anh đã đưa số tiền 30.000.000 đồng cho bà Ph. Bà Ph khẳng định từ Su khi chứng kiến việc vợ chồng ông T, bà Ng mượn tiền của chị S thì vợ chồng ông T, bà Ng không đưa cho bà Ph khoản tiền nào để trả cho chị S. Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn về việc đã trả khoản tiền 30.000.000 đồng cho chị S.

[4] Xét ý kiến của bị đơn về việc xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Vợ chồng ông T, bà Ng nợ số tiền trên trong thời gian dài, chị S nhiều lần yêu cầu trả nhưng vợ chồng ông T, bà Ng không thực hiện. Bản thân vợ chồng ông T, bà Ng cũng thừa nhận mình đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông T, bà Ng cũng không chứng minh được hoàn cảnh kinh tế hiện tại của mình đang gặp khó khăn, việc xin trả dần mỗi tháng

3.000.000 đồng là nhằm kéo dài thời gian, không có thiện chí trả nợ nên ý kiến của bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng không có cơ sơ chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[6] Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông T, bà Ng phải chịu (140.000.000 đồng x 5%) = 7.000.000đồng (*Bảy triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Phi S, buộc bị đơn vợ chồng Ngô Văn T, Huỳnh Thị Ng phải trả cho nguyên đơn Lê Thị Phi S số tiền 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí: Bị đơn vợ chồng Ngô Văn T, Huỳnh Thị Ng phải chịu 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Lê Thị Phi S số tiền 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002147 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện Tây Hòa;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thúy